

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 08 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lăng Đức Quang

Bà Nguyễn Thị Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/HSST-QĐ ngày 19/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Sầm Văn T, sinh ngày 24/5/1993, tại Huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn V, xã X, Huyện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 015093007452, ngày cấp 12/4/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC và TTXH; con ông Sầm Văn M, sinh năm 1971 và bà Lương Thị N, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 02 tiền sự, ngày 29/7/2022 bị Công an Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 31/8/2022 bị Tòa án nhân dân Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nhân thân: Ngày 11/7/2018 bị Công an Huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau; Tại bản án số 34/2018/HS-ST ngày 21/9/2018 bị Tòa án nhân dân Huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 04 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng sau đó bị cáo kháng cáo và tại bản án số 35/2018/HS-PT ngày 29/11/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đình chỉ xét xử phúc thẩm, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 16/05/2019 (đã được xóa án tích); ngày 09/9/2022 bị Công an Huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang khởi tố về hành vi Trộm cắp tài sản;

bị cáo hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

2. Đinh Hồng S, sinh ngày 16/5/1995, tại Hện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn M, xã L, Hện Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số căn cước công dân: 015095006290, ngày cấp, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; con ông Đinh Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/05/2017, bị Công an Hện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, Hện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phan Văn T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ N, thị trấn T, Hện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn M, xã L, Hện Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Lương Văn H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã Y, Hện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Ngọc K, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/8/2022, Đinh Hồng S tự ý điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Noza màu S đen BKS 21B1-348.32 (xe của chị gái S cho bà Nguyễn Thị A là mẹ của S) chở Hoàng Ngọc K từ xã L, Hện Y, tỉnh Yên Bái đến nhà của Sầm Văn T, tại thôn V, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái chơi và ở nhà T. Đến khoảng 23 giờ ngày 04/9/2022, T rủ S đi dọc đường xem có nhà nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản, S đồng ý và sử dụng xe mô tô BKS 21B1-384.32 chở T ngồi phía sau đi từ xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái theo đường Tỉnh lộ 183 ra thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang rồi sau đó đi dọc theo đường Quốc lộ 2 (hướng Tuyên Quang – Hà Giang). Khi đi đến nhà chị Lê Thị H, tại tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang ở phía bên phải đường (hướng Tuyên Quang – Hà Giang) lúc đó khoảng 00 giờ 30 phút ngày 05/9/2022, T phát hiện nhà chị H mở cửa phía sau, điện phía ngoài thấp sáng, T bảo S dừng xe và đợi ở ngoài. Sau đó T một mình đi bộ vòng ra phía sau nhà, theo cửa mở vào trong nhà, T quan sát thấy nhà chị H đã ngủ say, chị H và hai cháu nhỏ ngủ trên giường, phía cuối giường có để 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone 6s plus màu vàng, đôi điện giường ngủ của chị H có kê tủ gỗ, phía dưới tủ gỗ có để 01 Ipad Air 2 mặt trước màu đen, mặt sau màu trắng, chồng chị H ngủ dưới đệm cạnh giường, phía chân đệm có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu đỏ. T đi đến vị trí cuối giường ngủ lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus và 01 Ipad Air 2 rồi mang ra ngoài đưa cho S cất, sau đó T tiếp tục một mình quay lại nhà chị H và lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, sau đó T đút vào túi quần đang mặc và đi đến vị trí S đang chờ, sau đó S điều khiển xe mô tô tiếp tục chở T đi dọc theo đường Quốc Lộ 2 đến ngã ba Bắc Quang và rẽ đi Hện Quang Bình sau đó đi về nhà T. Sau khi về đến nhà khoảng 04 giờ ngày 05/9/2022, T và S đi ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 05/9/2022, T tỉnh dậy và liên lạc với Lương Văn H, nhờ H đi bán điện thoại cùng, H đồng ý, sau đó T điều khiển xe mô tô BKS 21B1-348.32 từ nhà đến nhà H, sau đó cùng H đến quán sửa chữa, mua bán điện thoại của Phan Văn T1, tại tổ N thị trấn T, huyện Y, tỉnh Yên Bái để bán điện thoại. Qua trao đổi, T1 mua điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng với giá 1.100.000đ (*một triệu một trăm nghìn đồng*), điện thoại nhãn hiệu Iphone XR chưa thống nhất giá và không mua Ipad Air 2. Sau khi nhận tiền T chở H về nhà. Số tiền bán điện thoại T không chia cho H và T cũng không nói cho H biết điện thoại T trộm cắp mà có. Số tiền bán điện thoại T sử dụng để chi tiêu cá nhân và ăn uống sinh hoạt cùng với S và K (K không biết nguồn gốc số tiền này của T từ đâu mà có).

Sau khi bị mất tài sản, chị Lê Thị H đã tiến hành định vị đối với điện thoại bị mất và phát hiện vị trí điện thoại đang ở xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái, sau đó chị H đã làm đơn đề nghị cơ quan công an giải quyết theo quy định của pháp luật. Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã làm việc với Công an xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái, xác định trên địa bàn xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái có một số đối tượng thường xuyên vi phạm pháp luật, trong đó có Sầm Văn T, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành triệu tập Sầm Văn T để làm việc, quá trình làm việc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản cùng với Đinh Hồng S vào ngày 04/9/2022 tại gia đình chị Lê Thị H.

Ngày 07/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Yêu cầu định giá tài sản số: 31 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang định giá 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 Ipad là vật chứng trong vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐG ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Hện Bắc Quang kết luận: 01 máy tính bảng màu trắng nhãn hiệu Ipad có giá 3.700.000đ (*ba triệu bảy trăm nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR 64GB màn hình cảm ứng màu đỏ có giá 5.800.000đ (*năm triệu tám trăm nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s 64GB màu vàng có giá 2.800.000đ (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản là 12.300.000đ (*mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 22/12/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Sầm Văn T và Đinh Hồng S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1

Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Sầm Văn T và Đinh Hồng S theo bản cáo trạng.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo Sầm Văn T từ 15 (*mười lăm*) tháng đến 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Hồng S từ 08 (*tám*) tháng đến 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/9/2022).

- Về hình phạt bổ sung và án phí: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị H yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng với số tiền 2.800.000đ (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Sầm Văn T và Đinh Hồng S thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Hện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; vắng mặt người làm chứng nhưng trước đó họ đã có lời khai ở Cơ quan điều tra. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục từ số 181 đến số 202), lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc (bút lục số 03, 04); tài liệu hiện trường (bút lục từ số 35 đến số 60); bản kết luận định giá tài sản (bút lục số 89, 90); biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng (bút lục từ số 110 đến số 129); lời khai bị hại (bút lục từ số 215 đến số 219); lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bút lục số 220 đến số 224); lời khai người làm chứng (bút lục từ số 225 đến số 251). Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 04/9/2022 đến 00 giờ 30 phút ngày 05/9/2022, Sầm Văn T là người nảy sinh ý định trộm cắp tài sản rồi rủ Đinh Hồng S cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau đó S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Noza màu S đen BKS 21B1-348.32 chở T đến tổ 10, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, đến nơi S dừng xe ở ngoài chõ, T đi bộ một mình vào nhà chị Lê Thị H lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s 64GB màu vàng và 01 máy tính bảng màu trắng nhãn hiệu Ipad mang ra ngoài đưa cho S cất, sau đó T tiếp tục quay lại nhà chị H và lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR 64GB màn hình cảm ứng màu đỏ. Tổng giá trị các tài sản là: 12.300.000đ (*mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

[4] Trong vụ án này Sầm Văn T là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản, Đinh Hồng S tham gia với vai trò giúp sức (đồng phạm gián đơn) với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 12.300.000đ (*mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo T và bị cáo S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đthì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[6] Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Hện Bắc Quang truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực

hiện, các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại để lén lút trộm cắp tài sản nhằm mục đích phục vụ lợi ích cá nhân. Tổng số tiền các bị cáo đã trộm cắp trong vụ án này là 12.300.000đ (*mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Cần phải xử lý các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[8] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, bị cáo Sầm Văn T là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản của chị Lê Thị H với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 12.300.000đ (*mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*) để phục vụ cho mục đích cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và trong vụ án này bị cáo Sầm Văn T là người khởi xướng còn bị cáo Đinh Hồng S là người giúp sức cho bị cáo T thực hiện việc trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo T đã bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s plus màu vàng với giá 1.100.000đ (*một triệu một trăm nghìn đồng*) để chi tiêu cá nhân và ăn uống sinh hoạt cùng với S và K. Do vậy bị cáo Sầm Văn T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Đinh Hồng S.

[9] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo Sầm Văn T thành khẩn khai báo, là người dân tộc thiểu số, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đinh Hồng S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa và quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên các bị cáo được xem xét khi áp dụng mức hình phạt, để thể hiện chính sách khoan hồng đối với các bị cáo.

[12] Bị cáo Sầm Văn T và Đinh Hồng S đều là người có nhân thân xấu.

[13] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị H yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền là 2.800.000đ (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*). Xét thấy, tài sản các bị cáo trộm cắp được của bị hại H là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng không thu hồi được, việc bị hại yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị trộm cắp phù hợp với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang, cho nên yêu cầu bồi thường của bị hại là hợp pháp và cần được chấp nhận. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí liên đới bồi thường theo phân bằng nhau cho bà H theo yêu cầu của bà H và các bị cáo cũng thừa nhận việc đã trộm cắp tài sản của bị hại, bị cáo T đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng lấy tiền tiêu

sai cá nhân và chi tiêu vào chi phí ăn uống cùng với bị cáo S, nên cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự buộc các bị cáo T và bị cáo S phải bồi thường cho chị H giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt theo phân bằng nhau. Do vậy, cần buộc bị cáo T và bị cáo S cùng liên đới bồi thường cho bị hại H số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

[15] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[16] Đối với 01 (một) máy tính bảng màu trắng nhãn hiệu Ipad; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR 64GB màn hình cảm ứng màu đỏ. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên ngày 02/12/2022 Cơ quan CSĐT Công an Hện Bắc Quang đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 42, trả lại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

[17] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOZZA, biển kiểm soát 21B1-348.32 màu đen, số máy: IDR1125167; số khung: DR10EY125154, (Kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng), tình trạng xe không có gương chiếu hậu bên phải, vỏ yên xe bị rách, yếm hai bên sườn xe có nhiều vết trầy xước và bung bật. Xét thấy, chiếc xe này Đinh Hồng S tự ý lấy của gia đình đi rồi chở Sầm Văn T đi trộm cắp tài sản, tuy nhiên khi S lấy xe đi, chủ sở hữu chiếc xe không biết việc S dùng chiếc xe để chở T đi trộm cắp tài sản. Do vậy cần trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu.

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[19] Trong vụ án này, Lương Văn H là người được Sầm Văn T nhờ đi bán điện thoại di động và Phan Văn T1 là người đã giao dịch mua bán điện thoại di động với Lương Văn H, Sầm Văn T, tuy nhiên khi trao đổi mua bán H và T1 không biết tài sản do T trộm cắp nên không đề cập xử lý. Đối với Hoàng Ngọc K, khi T cùng S bàn bạc đi trộm cắp tài sản và sau khi T, S trộm cắp tài sản về nhà thì K không biết, nên không có căn cứ để xử lý đối với K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, đoạn 1 điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sầm Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Hồng S;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố các bị cáo **Sầm Văn T** và **Đinh Hồng S** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Sầm Văn T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án phạt tù.

- Xử phạt bị cáo **Đinh Hồng S** 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/9/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Sầm Văn T** phải bồi thường cho bà **Lê Thị H** số tiền 1.400.000^d (Một triệu bốn trăm nghìn đồng); bị cáo **Đinh Hồng S** phải bồi thường cho bà **Lê Thị H** số tiền 1.400.000^d (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Anh** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOZZA, biển kiểm soát 21B1-348.32 màu đen, số máy: IDR1125167; số khung: DR10EY125154, (Kèm theo chìa khóa, xe cũ đã qua sử dụng), tình trạng xe không có gương chiếu hậu bên phải, vỏ yên xe bị rách, yếm hai bên sườn xe có nhiều vết trầy xước và bung bật.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an Hện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự Hện Bắc Quang ngày 23/12/2022).

5. Về án phí: Bị cáo **Sầm Văn T** và bị cáo **Đinh Hồng S**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Hện Bắc Quang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Công an Hện Bắc Quang;
- Chi cục THADS Hện Bắc Quang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- TAND Hện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HSVA, THA phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh